TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/DS-ST
Ngày: 26 - 02 - 2019
V/v tranh chấp "Đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn,

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Chí Lin,

2/ Ông Nguyễn Thanh Hoàng,

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải An – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 658/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp "Đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-DS ngày 30/01/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1961. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 184 Ô 5, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Mai Hoàng V, sinh năm 1959; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2018 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, Bà Trần Thị M trình bày như sau:

Ngày 25/7/2017, bà có nhờ Bà Nguyễn Thị Tuyết T làm hồ sơ ly hôn cho con của bà. Bà có đưa cho Bà T nhiều lần, tổng cộng là 22.000.000 đồng. Đến tháng 02 năm 2018, Bà T vẫn chưa làm xong hồ sơ ly hôn của con bà nên đến ngày 24/4/2018, bà gởi đơn đến Công an thị trấn H.

Tại Biên bản hòa giải ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Công an thị trấn H, Bà T thừa nhận nợ bà số tiền 22.000.000 đồng và cam kết đến ngày 03/11/2018 trả cho bà số tiền 22.000.000 đồng. Tuy nhiên, cho đến nay Bà T vẫn không thực hiện nên bà nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu Bà T trả số tiền 22.000.000 đồng, không yêu cầu Bà T trả lãi suất phát sinh, đồng thời không yêu cầu chồng của Bà T cùng trả nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Hoàng V là chồng của Bà Trần Thị M trình bày: Ông có biết việc bà M đưa cho Bà T số tiền 22.000.000 đồng. Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà M, ông đồng ý để bà M đứng đơn khởi kiện và cam kết không khiếu nại.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng Bà Nguyễn Thị Tuyết T vẫn vắng mặt, cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 06 tháng 11 năm 2018, Bà Trần Thị M nộp đơn khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Thị Tuyết T trả số tiền là 22.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, quan hệ tranh chấp là tranh chấp đòi tài sản theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Bà T có hộ khẩu thường trú và có mặt tại Số 184 Ô 5, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn Bà Nguyễn Thị Tuyết T vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện: Bà Trần Thị M khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Thị Tuyết T trả số tiền 22.000.000 đồng. Bị đơn Bà T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, không có bất cứ văn bản nào phản hồi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng tại Biên bản hòa giải ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Công an thị trấn H, Bà T thừa nhận nợ bà M số tiền 22.000.000 đồng. Từ đó, có căn cứ xác định Bà T có trách nhiệm hoàn trả cho bà M số tiền 22.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà M không yêu cầu chồng của Bà T cùng liên đới trả 22.000.000 đồng nên không đưa chồng Bà T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, Bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà M; do đó để đảm bảo quyền lợi cho bà M cần buộc Bà T có nghĩa vụ phải trả số

tiền 22.000.000 đồng cho bà M là phù hợp với quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà M trình bày không yêu cầu Bà T trả lãi phát sinh đối với số tiền yêu cầu. Xét thấy, việc này có lợi cho Bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị M đối với Bà Nguyễn Thị Tuyết T về việc tranh chấp "Đòi tài sản".

Buộc Bà Nguyễn Thị Tuyết T có trách nhiệm trả cho Bà Trần Thị M số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Bà Nguyễn Thị Tuyết T nộp 1.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Hoàn lại cho Bà Trần Thị M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 550.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003632 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-TAND tỉnh Long An;
-Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Hồng Sơn